

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH ĐIỆN BIÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-UBND

Điện Biên, ngày tháng 10 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐIỆN BIÊN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương số 72/2025/QH15;

Căn cứ Quyết định số 1085/QĐ-TTg ngày 15/9/2022 của Thủ tướng Chính phủ Ban hành Kế hoạch rà soát, đơn giản hóa thủ tục hành chính nội bộ trong hệ thống hành chính nhà nước giai đoạn 2022-2025;

Căn cứ các Quyết định của Bộ Nông nghiệp và Môi trường: số 2261/QĐ-BNNMT ngày 20/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 2308/QĐ-BNNMT ngày 23/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 2391/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực thủy sản và kiểm ngư thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường; số 2405/QĐ-BNNMT ngày 27/6/2025 về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung, bị bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này 12 thủ tục hành chính nội bộ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Điện Biên (có danh mục và nội dung cụ thể của thủ tục hành chính kèm theo).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Bãi bỏ thủ tục hành chính nội bộ số 2 tại Mục A, thủ tục hành chính số 1 mục tại B phần I và nội dung cụ thể của 02 thủ tục hành chính này tại Phần II ban hành kèm theo Quyết định số 2100/QĐ-UBND ngày 20/11/2024 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố thủ tục hành chính nội bộ giữa các cơ quan hành chính Nhà nước lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm thuộc phạm vi

chức năng quản lý của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Điện Biên.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Cục Kiểm soát TTHC (VPCP);
- HTTT giải quyết TTHC tỉnh (Sở KH&CN);
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu VT, PVHCC.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Lò Văn Cương

**DANH MỤC VÀ NỘI DUNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ LĨNH VỰC LÂM
NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI
TRƯỜNG TỈNH ĐIỆN BIÊN**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND, ngày tháng 10 năm 2025
của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Điện Biên)

PHẦN I. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH NỘI BỘ

**1. Danh mục thủ tục hành chính nội bộ mới ban hành thuộc thẩm
quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường**

STT	Tên thủ tục hành chính nội bộ
A	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm
1	Tiếp nhận, xác lập lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước
2	Phê duyệt phương án xử lý lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước
3	Giao tài sản là gỗ, thực vật ngoài gỗ cho cơ quan quản lý chuyên ngành
4	Giao, điều chuyển cho cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng đối với gỗ, thực vật ngoài gỗ không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I, Phụ lục I CITES
5	Thả động vật về môi trường tự nhiên
6	Chuyển giao (động vật) cho cơ quan quản lý chuyên ngành
B	Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học
1	Công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý
2	Thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen
3	Chuyển vị bảo tồn động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ
4	Thu hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp nhận được thông tin quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 22 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

2. Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung thuộc thẩm quyền giải quyết của UBND xã, phường

STT	Mã số TTHC nội bộ	Tên thủ tục hành chính nội bộ	Tên VB quy định nội dung sửa đổi, bổ sung, thay thế
I	Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm		
1	5.000976	Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với tổ chức	Khoản 2 Điều 22 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường
2	5.000980	Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân	Khoản 3 Điều 13 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

PHẦN II. NỘI DUNG CỤ THỂ CỦA TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH

I. Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm

1. Tên thủ tục: Tiếp nhận, xác lập lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Nộp, tiếp nhận hồ sơ

Chủ sở hữu thông báo tới Hạt Kiểm lâm hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành do UBND tỉnh công bố kèm theo hồ sơ, giấy tờ chứng minh quyền sở hữu hợp pháp đối với thực vật, động vật tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 21 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Hạt Kiểm lâm hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành do UBND tỉnh công bố lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Bước 2: xây dựng hồ sơ

Trường hợp xác định việc tiếp nhận tài sản chuyển giao là phù hợp với

quy định của pháp luật thì trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày tiếp nhận tài sản và các hồ sơ, tài liệu liên quan, Hạt Kiểm lâm hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành do UBND tỉnh công bố có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản theo quy định tại khoản 2 Điều 44 Nghị định số 77/2025/NĐ-CP báo cáo, đề xuất Sở Nông nghiệp và Môi trường, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính.

Bảng kê chủng loại, số lượng, khối lượng, giá trị lâm sản (nếu có thông tin về giá trị), hiện trạng của tài sản: bản chính).

Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, giá trị của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): bản sao.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ quy định tại bước 2 này, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập 01 bộ hồ sơ trình UBND tỉnh xem xét, quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản, hồ sơ gồm:

Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản tại Mẫu số 01-QĐXL ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

- Bước 4: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ trình của Sở Nông nghiệp và Môi trường; UBND tỉnh xem xét quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân đối với tài sản.

b) Cách thức thực hiện: không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Hồ sơ tại cơ quan tiếp nhận, gồm:

Văn bản đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính.

Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Các hồ sơ, tài liệu chứng minh quyền sở hữu, giá trị của tài sản chuyển giao và hình thức chuyển giao (nếu có): bản sao.

- Hồ sơ của cơ quan thẩm định hồ sơ, gồm:

Tờ trình đề nghị xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản chính.

Dự thảo Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản tại Mẫu số 01-QĐXL ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

Hồ sơ quy định tại bước 2 mục a này: bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ,

UBND tỉnh Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Hạt Kiểm lâm hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành do UBND tỉnh công bố.
- Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- UBND tỉnh Quyết định hoặc UBND xã, phường được ủy quyền.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường hoặc Chi cục Kiểm lâm
- UBND tỉnh Quyết định hoặc UBND xã, phường được ủy quyền

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản.

g) Phí, lệ phí (nếu có): Không

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai: có

Biên bản bàn giao, tiếp nhận theo Mẫu số 22 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ Quy định thẩm quyền, thủ tục xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản và xử lý đối với tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.
- Điều 21 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

2. Tên thủ tục: Phê duyệt phương án xử lý lâm sản, động vật, thực vật thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm, Phụ lục CITES do chủ sở hữu tự nguyện chuyển giao quyền sở hữu cho Nhà nước

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Xây dựng hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản Hạt Kiểm lâm/ Chi cục Kiểm lâm xây dựng 01 bộ hồ sơ báo cáo, đề xuất phương án xử lý tài sản, gửi Sở Nông nghiệp và môi trường, hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi UBND tỉnh lập phương án xử lý tài sản, hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản của cơ quan quản lý cấp trên theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

- Bước 2: Cơ quan quản lý cấp trên hoặc cơ quan quản lý tài sản công có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, Cơ quan quản lý cấp trên hoặc có thẩm quyền lập phương án xử lý tài sản lập 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi cơ quan thẩm định phương án xử lý tài sản, hồ sơ gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

- Bước 3: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định, cơ quan thẩm định phương án xử lý tài sản công có trách nhiệm lập 01 bộ hồ sơ xử lý tài sản để trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh hoặc cơ quan, người được UBND tỉnh phân cấp, hồ sơ gồm:

Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân: bản chính.

Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Hồ sơ quy định tại bước 2 mục a (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại bước 1 mục a (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên): bản sao.

- Bước 4: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định UBND tỉnh hoặc cơ quan, người được UBND tỉnh phân cấp xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

b) Cách thức thực hiện: không quy định

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Hồ sơ cơ quan tiếp nhận tài sản, gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05- PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao.

Văn bản của cơ quan, tổ chức, đơn vị và cơ quan quản lý cấp trên (nếu có) của cơ quan, tổ chức, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản (đối với trường hợp xử lý theo hình thức giao hoặc điều chuyển cần nêu rõ sự phù hợp của đề nghị tiếp nhận tài sản với tiêu chuẩn, định mức sử dụng tài sản theo quy định): bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

- Hồ sơ: Cơ quan quản lý cấp trên, gồm:

+ Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản của cơ quan quản lý cấp trên theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

+ Hồ sơ quy định tại bước 1 hoặc bước 2 mục a này: bản sao.

- Hồ sơ của cơ quan thẩm định, gồm:

+ Tờ trình của cơ quan quản lý tài sản công về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: bản chính;

+ Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân lập theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

+ Hồ sơ quy định tại bước 2 mục a (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản không có cơ quan quản lý cấp trên), hồ sơ quy định tại bước 1 mục a (trong trường hợp đơn vị chủ trì quản lý tài sản có cơ quan quản lý cấp trên): bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh hoặc cơ quan, người được UBND tỉnh phân cấp Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Hạt Kiểm lâm/ Chi cục Kiểm lâm hoặc cơ quan quản lý chuyên ngành.

- Sở Nông nghiệp và Môi trường.

- Cơ quan được giao thẩm định phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

- UBND tỉnh hoặc cơ quan, người được UBND tỉnh phân cấp.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- UBND tỉnh hoặc cơ quan, người được UBND tỉnh phân cấp.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

g) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

- Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05- PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

3. Tên thủ tục: Giao tài sản là gỗ, thực vật ngoài gỗ cho cơ quan quản lý chuyên ngành

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: xây dựng hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản (đối với vụ việc tài sản >100 triệu) cơ quan chủ trì quản lý tài sản xây dựng 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, hồ sơ gồm:

Tờ trình của đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoặc của bộ phận chuyên môn thuộc của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: bản chính;

Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05- PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính;

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao.

Văn bản của Hạt Kiểm lâm/Chi cục Kiểm lâm gửi cơ quan quản lý chuyên ngành đề nghị tiếp nhận tài sản hoặc Văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành về việc tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

Bước 2: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan được giao thẩm định phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoặc cơ quan khác ...) lập 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, hồ sơ gồm:

Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc phê duyệt

phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Hồ sơ tương ứng quy định tại bước 1: bản sao.

Bước 3: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định UBND tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Bước 4: Bàn giao tài sản

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được phê duyệt, cơ quan chủ trì quản lý tài sản tổ chức bàn giao, tiếp nhận và lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận gổ chuyển giao theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Hồ sơ của cơ quan chủ trì quản lý tài sản, gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05- PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao.

Văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

- Hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, gồm:

Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Hồ sơ tài sản tại bước 1 mục a: bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan chủ trì quản lý tài sản.

- Hạt Kiểm lâm.
- Chi cục Kiểm lâm.
- Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân

g) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 23 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

4. Tên thủ tục: Giao, điều chuyển cho cơ quan, đơn vị quản lý, sử dụng đối với gỗ, thực vật ngoài gỗ không thuộc Danh mục loài nguy cấp, quý, hiếm Nhóm I, Phụ lục I CITES

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: xây dựng hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày có Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản (đối với vụ việc tài sản >100 triệu) cơ quan chủ trì quản lý tài sản xây dựng 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi Sở Nông nghiệp và Môi trường, hồ sơ gồm:

Tờ trình của đơn vị chủ trì quản lý tài sản hoặc của bộ phận chuyên môn thuộc của đơn vị chủ trì quản lý tài sản về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: bản chính.

Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05- PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao.

Văn bản của Hạt Kiểm lâm/Chi cục Kiểm lâm gửi cơ quan quản lý chuyên ngành đề nghị tiếp nhận tài sản hoặc Văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành về việc tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản chính.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

Bước 2: Thẩm định hồ sơ

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ cơ quan được giao thẩm định phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân (Sở Tài chính, Sở Nông nghiệp và Môi trường, hoặc cơ quan khác ...) lập 01 bộ hồ sơ đề xuất phương án xử lý tài sản gửi UBND tỉnh phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân, hồ sơ gồm:

Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản xác lập quyền sở hữu toàn dân: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Hồ sơ tương ứng quy định tại bước 1: bản sao.

Bước 3: Quyết định phê duyệt

Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định UBND tỉnh xem xét, phê duyệt phương án xử lý tài sản theo thẩm quyền hoặc có văn bản hồi đáp trong trường hợp phương án xử lý tài sản không phù hợp.

Bước 4: Bàn giao tài sản

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được phê duyệt, cơ quan chủ trì quản lý tài sản tổ chức bàn giao, tiếp nhận và lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận giao chuyển giao theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

b) Cách thức thực hiện: không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Hồ sơ của cơ quan chủ trì quản lý tài sản, gồm:

Văn bản đề xuất phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 04-ĐXPA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Phương án xử lý tài sản do cơ quan quản lý tài sản công lập theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Quyết định xác lập quyền sở hữu toàn dân về tài sản: bản sao.

Văn bản của cơ quan, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT: bản sao.

Giấy tờ khác có liên quan (nếu có): bản sao.

- Hồ sơ của Sở Nông nghiệp và Môi trường, gồm:

Tờ trình về việc đề nghị phê duyệt phương án xử lý tài sản: bản chính; kèm theo dự thảo Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Phương án xử lý tài sản theo Mẫu số 05-PA ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP: bản chính.

Hồ sơ cơ quan quản lý tài sản tại bước 2 mục a: bản sao.

d) Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đủ hồ sơ hợp lệ, UBND tỉnh hoặc cơ quan, người được UBND tỉnh phân cấp về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan chủ trì quản lý tài sản.
- Cơ quan, đơn vị có nhu cầu nhận tài sản.
- Sở Nông nghiệp và Môi trường.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

UBND tỉnh hoặc cơ quan, người được UBND tỉnh phân cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 10 (tang vật), khoản 3 Điều 20 (vật chứng) ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định về việc phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

g) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Văn bản của cơ quan, đơn vị đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 23 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

5. Tên thủ tục: Thả động vật về môi trường tự nhiên

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Quyết định thả lại động vật về môi trường tự nhiên

Cơ quan chủ trì quản lý tài sản đề nghị cơ quan thú y đối với động vật hoặc của cơ sở cứu hộ động vật, loài thủy sản có Biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe động vật theo Mẫu số 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Cơ quan chủ trì quản lý tài sản liên hệ, thống nhất với chủ rừng hoặc khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé nơi dự kiến tái thả trong trường hợp cơ quan, đơn vị thả không phải là chủ rừng hoặc khu dự trữ nơi dự kiến tái thả.

Chủ rừng hoặc khu dự trữ thiên nhiên nơi dự kiến thả có văn bản đồng ý theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT trong trường hợp cơ quan, đơn vị thả không phải là chủ rừng hoặc khu dự trữ thiên nhiên nơi dự kiến tái thả.

Thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật ban hành quyết

định thả lại động vật về môi trường tự nhiên.

- Bước 2: Thả động vật về môi trường tự nhiên

Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật thả lại động vật về môi trường tự nhiên.

Thành phần tham gia thả động vật về môi trường tự nhiên: cơ quan chủ trì thả động vật mời đại diện cơ quan Kiểm lâm sở tại, chính quyền địa phương, chủ rừng hoặc Ban quản lý khu dự trữ thiên nhiên, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổ tụng trong trường hợp động vật là vật chứng và tổ chức, cá nhân khác có liên quan do cơ quan chủ trì thả động vật quyết định.

Ngay sau khi hoàn thành việc thả động vật về môi trường tự nhiên: cơ quan, đơn vị chủ trì thả lập Biên bản thả động vật về môi trường tự nhiên theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

b) Cách thức thực hiện: không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe động vật theo Mẫu số 26 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Văn bản của cơ quan chủ trì quản lý tài sản thống nhất với chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển nơi dự kiến tái thả trong trường hợp cơ quan, đơn vị thả không phải là chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển nơi dự kiến tái thả.

Văn bản đồng ý của chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển nơi dự kiến tái thả theo Mẫu số 27 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT trong trường hợp cơ quan, đơn vị thả không phải là chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển.

Quyết định thả lại động vật về môi trường tự nhiên của thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật.

Quyết định phê duyệt Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Biên bản thả động vật về môi trường tự nhiên theo Mẫu số 28 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Số lượng hồ sơ: không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đồng ý thả động vật của chủ rừng hoặc khu bảo tồn biển, thủ trưởng cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật ban hành quyết định thả lại động vật về môi trường tự nhiên.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan chủ trì xử lý tài sản.

- Cơ quan, đơn vị có thẩm quyền xử lý động vật.

- Chủ rừng hoặc khu dự trữ thiên nhiên Mường Nhé nơi dự kiến thả.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

UBND tỉnh hoặc cơ quan, người được UBND tỉnh phân cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 10 (tang vật), khoản 3 Điều 20 (vật chứng) ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thả lại động vật về môi trường tự nhiên; động vật được thả về môi trường tự nhiên.

g) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đồng ý thả động vật/ thủy sản theo Mẫu số 27 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Biên bản xác nhận tình trạng sức khỏe của động vật/ loài thủy sản theo Mẫu số 26 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 26 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

6. Tên thủ tục: Chuyển giao động vật cho cơ quan quản lý chuyên ngành

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1:** Xây dựng phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Cơ quan chủ trì quản lý tài sản gửi văn bản tới Chi cục Kiểm lâm đề nghị tiếp nhận tài sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Chi cục Kiểm lâm có văn bản gửi cơ quan chủ trì quản lý tài sản về việc được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT để sử dụng vào mục đích bảo tồn, làm mẫu nhận dạng loài, nghiên cứu khoa học, đào tạo, giáo dục môi trường, bảo tàng chuyên ngành bảo đảm phù hợp với từng loài và điều kiện của nơi được chuyển giao.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của Chi cục Kiểm lâm, cơ quan chủ trì quản lý tài sản lập Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân trình cơ quan, người có thẩm quyền quyết định phê duyệt theo quy định pháp luật quản lý, sử dụng tài sản công.

- **Bước 2:** Bàn giao, tiếp nhận tài sản:

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày Phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân được phê duyệt, cơ quan chủ trì quản lý tài sản tổ chức bàn giao, tiếp nhận và lập Biên bản bàn giao, tiếp nhận động vật chuyển giao theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

b) Cách thức thực hiện: không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ:

Văn bản của cơ quan chủ trì quản lý tài sản gửi cơ quan quản lý chuyên ngành đề nghị tiếp nhận tài sản, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản 1 Điều 28 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành gửi cơ quan chủ trì quản lý tài sản về việc được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

Biên bản bàn giao, tiếp nhận động vật chuyển giao theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP

- Số lượng hồ sơ: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản của cơ quan quản lý chuyên ngành.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Cơ quan chủ trì quản lý tài sản.

- Chi cục Kiểm lâm.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

UBND tỉnh hoặc cơ quan, người được UBND tỉnh phân cấp theo quy định tại khoản 3 Điều 10 (tang vật), khoản 3 Điều 20 (vật chứng) ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP ngày 01/4/2025 của Chính phủ.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định phê duyệt phương án xử lý tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân; Động vật được bàn giao, tiếp nhận.

g) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị được tiếp nhận tài sản theo Mẫu số 23 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT.

- Biên bản bàn giao, tiếp nhận động vật chuyển giao theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 77/2025/NĐ-CP.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

Điều 28 Thông tư số 26/2025/TT-BNNMT ngày 24/5/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về quản lý lâm sản; xử lý lâm sản, thủy sản là tài sản được xác lập quyền sở hữu toàn dân.

II. Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học

1. Tên thủ tục: Công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia có toàn bộ diện tích thuộc địa bàn quản lý

a) Trình tự thực hiện:

- **Bước 1.** Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức điều tra, đánh giá khu vực dự kiến xác lập di sản thiên nhiên khác.

- **Bước 2.** Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự án xác lập di sản thiên nhiên.

- **Bước 3.** Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức lấy ý kiến và tham vấn cộng đồng về dự án xác lập di sản thiên nhiên.

- **Bước 4.** UBND tỉnh thành lập Hội đồng và tổ chức thẩm định hồ sơ dự án xác lập di sản thiên nhiên.

- **Bước 5.** Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự án xác lập di sản thiên nhiên hoàn thiện hồ sơ dự án xác lập di sản thiên nhiên

- **Bước 6.** Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng dự án xác lập di sản thiên nhiên trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia.

- **Bước 7.** Chủ tịch UBND tỉnh xem xét và ra quyết định công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Thành phần hồ sơ thẩm định dự án xác lập di sản thiên nhiên:

Báo cáo dự án xác lập di sản thiên nhiên khác theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

Văn bản góp ý của các cơ quan có liên quan đối với dự án xác lập di sản thiên nhiên.

Văn bản đề nghị thẩm định dự án xác lập di sản thiên nhiên khác theo Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Số lượng: Không quy định.

d) Thời hạn giải quyết: Không quy định.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường
- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt, công nhận di sản thiên nhiên cấp quốc gia.

g) Phí, lệ phí: Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

- Văn bản đề nghị thẩm định dự án xác lập di sản thiên nhiên theo Mẫu số 15 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

- Báo cáo dự án xác lập di sản thiên nhiên theo Mẫu số 14 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BTNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính: Không quy định.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 20 Luật Bảo vệ môi trường.
- Điều 19 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.
- Điều 13 Thông tư số 11/2025/TT-BTNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

2. Tên thủ tục: Thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen**a) Trình tự thực hiện:**

Bước 1: Lập biên bản. Sở Nông nghiệp và Môi trường tiến hành lập biên bản thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen đã được cấp, trong đó nêu rõ căn cứ, lý do thu hồi.

Bước 2: Trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét ban hành quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

Trong thời hạn mười 10 ngày làm việc, Sở Nông nghiệp và Môi trường lập hồ sơ báo cáo Chủ UBND tỉnh xem xét, quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ:

- Tờ trình Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo cáo lý do thu hồi (kèm theo biên bản thu hồi);

- Dự thảo Quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Thời hạn giải quyết: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Tổ chức, cá nhân đã được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND tỉnh.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen.

g) Phí, lệ phí (nếu có): Không quy định.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Quyết định thu hồi Giấy phép tiếp cận nguồn gen theo Mẫu số 11 tại Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính:

Giấy phép tiếp cận nguồn gen bị thu hồi khi cơ quan nhà nước có thẩm quyền phát hiện một trong các trường hợp sau:

- Tổ chức, cá nhân đã cung cấp thông tin giả mạo để được cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen.
- Hoạt động tiếp cận và sử dụng nguồn gen gây hại con người, môi trường, an ninh, quốc phòng và lợi ích quốc gia của Việt Nam.
- Tiến hành hoạt động tiếp cận và sử dụng nguồn gen ngoài phạm vi được cấp phép.

- Các trường hợp vi phạm khác theo quy định của pháp luật.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Điều 59 Luật Đa dạng sinh học năm 2008.
- Điều 18 Nghị định số 59/2017/NĐ-CP ngày 12/5/2017 của Chính phủ về quản lý tiếp cận nguồn gen và chia sẻ lợi ích từ việc sử dụng nguồn gen.
- Điều 46 Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
- Khoản 5, Điều 3 Thông tư số 11/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường quy định về phân quyền, phân cấp quản lý nhà nước trong lĩnh vực bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học.

3. Tên thủ tục: Chuyển vị bảo tồn động vật, thực vật thuộc Danh mục

loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ

a) Trình tự thực hiện:

Bước 1: Xây dựng phương án

- Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng phương án chuyển vị bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường trình UBND tỉnh nơi thực hiện hoạt động chuyển vị bảo tồn.

Bước 2: Xử lý đề nghị

Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được phương án chuyển vị bảo tồn, Ủy ban nhân dân tỉnh xem phê duyệt phương án theo Mẫu số 14 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường. Trường hợp cần thiết, UBND tỉnh tham vấn cơ quan khoa học và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan theo trình tự như sau:

Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Phương án chuyển vị, UBND tỉnh gửi văn bản tham vấn đến cơ quan khoa học CITES, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan và UBND tỉnh nơi tiếp nhận trong trường hợp nơi tiếp nhận chuyển vị loài được ưu tiên bảo vệ thuộc tỉnh khác.

Trong thời hạn 15 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được văn bản của UBND tỉnh, cơ quan khoa học CITES và cơ quan quản lý nhà nước có liên quan có trách nhiệm trả lời bằng văn bản.

Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được kết quả tham vấn, UBND tỉnh phê duyệt Phương án chuyển vị hoặc từ chối phê duyệt, nêu rõ lý do bằng văn bản.

b) Cách thức thực hiện: Trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính hoặc qua môi trường điện tử.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

Phương án chuyển vị bảo tồn loài nguy cấp, quý, hiếm được ưu tiên bảo vệ Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

d) Thời hạn giải quyết:

- Trường hợp không tham vấn: 07 ngày làm việc.
- Trường hợp tham vấn: 21 ngày làm việc.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- UBND tỉnh.
- Cơ quan khoa học CITES, cơ quan quản lý nhà nước có liên quan

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: UBND tỉnh

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Phê duyệt Phương án chuyển vị theo Mẫu số 14 Phụ lục II Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

g) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Mẫu số 13 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

4. Tên thủ tục: Thu hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học trong trường hợp nhận được thông tin quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 22 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24 tháng 6 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường

a) Trình tự thực hiện:

Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin quy định tại các điểm b, c, d, đ, e khoản 1 Điều 22 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường, Sở Nông nghiệp và Môi trường tổ chức xác minh thông tin và trình UBND tỉnh xem xét, ban hành quyết định hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo Mẫu số 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và thông báo trên cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh.

Trong thời hạn 30 ngày làm việc, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học, Chủ cơ sở phải chuyển giao các loài động vật nuôi đến cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đủ điều kiện theo quy định của Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường và lập biên bản giao nhận theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

b) Cách thức thực hiện: Khi nhận được thông tin trong các trường hợp nêu trên.

c) Thời hạn giải quyết:

- Thời gian xác minh thông tin: 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông tin.

- Thời gian chuyển giao các loài động vật nuôi đến cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học đủ điều kiện: 30 ngày làm việc, kể từ ngày UBND tỉnh ban hành Quyết định thu hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học.

d) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính:

- Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- UBND tỉnh.
- Cơ quan quản lý nhà nước có liên quan.

đ) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Môi trường.
- Cơ quan có thẩm quyền quyết định: UBND tỉnh.

e) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính:

Quyết định hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo Mẫu số 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

f) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

g) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Quyết định hồi Giấy chứng nhận Cơ sở bảo tồn đa dạng sinh học theo Mẫu số 25 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

Biên bản giao nhận theo Mẫu số 06 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

h) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

i) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.
- Điều 22 Thông tư số 27/2025/TT-BNNMT ngày 24/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ

Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm

1. Tên thủ tục: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với tổ chức

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch cho thuê rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng trình Chủ tịch UBND cấp xã, phường phê duyệt.

- Bước 2: Phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng.

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch UBND cấp xã, phường xem xét, phê duyệt phương án và giá khởi điểm cho thuê rừng (giá khởi điểm cho thuê rừng được phê duyệt là căn cứ để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng); trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch UBND cấp xã, phường trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Ký hợp đồng dịch vụ đấu giá cho thuê rừng

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày được Chủ tịch UBND cấp xã, phường phê duyệt giá khởi điểm cho thuê rừng, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản theo phương án đã được phê duyệt để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng.

- Bước 4: Tổ chức đấu giá cho thuê rừng

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng đấu giá cho thuê rừng, tổ chức đấu giá tài sản đã được ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm thực hiện trình tự, thủ tục đấu giá cho thuê rừng theo quy định của pháp luật về đấu giá và pháp luật có liên quan.

- Bước 5: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng.

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá, Chủ tịch UBND cấp xã, phường quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng.

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng, tổ chức trúng đấu giá cho thuê rừng có trách nhiệm hoàn thành việc nộp tiền thuê rừng vào Kho bạc Nhà nước và chuyển chứng từ đã hoàn thành nộp tiền cho cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã để thực hiện trình tự, thủ tục cho thuê rừng đồng thời với cho thuê đất.

Trường hợp quá thời gian quy định phải hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền

thuê rừng, tổ chức trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo kết quả trúng đấu giá, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình Chủ tịch UBND xã, phường quyết định hủy công nhận kết quả trúng đấu giá.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Hồ sơ phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng: Phương án đấu giá cho thuê rừng.

- Hồ sơ công nhận kết quả đấu giá để trình cấp có thẩm quyền cho thuê rừng, gồm:

Kết quả đấu giá.

Biên bản đấu giá.

Danh sách người trúng đấu giá.

Thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

d) Thời hạn giải quyết: 53 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND xã, phường quyết định phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê rừng đối với tổ chức.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND xã, phường.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với tổ chức.

g) Phí, lệ phí (nếu có): không

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phương án đấu giá cho thuê rừng theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 136/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường.

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

- Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản

lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.

2. Tên thủ tục: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân

a) Trình tự thực hiện:

- Bước 1: Xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng.

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày kế hoạch cho thuê rừng được cấp có thẩm quyền phê duyệt, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã xây dựng phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng trình Chủ tịch UBND xã, phường phê duyệt.

- Bước 2: Phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng và giá khởi điểm cho thuê rừng

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được tờ trình của cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã, Chủ tịch UBND xã, phường xem xét, phê duyệt phương án và giá khởi điểm cho thuê rừng (giá khởi điểm cho thuê rừng được phê duyệt là căn cứ để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng); trường hợp không phê duyệt, Chủ tịch UBND xã, phường trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

- Bước 3: Ký hợp đồng dịch vụ đấu giá cho thuê rừng

Trong thời gian 05 ngày làm việc kể từ ngày được Chủ tịch UBND xã, phường phê duyệt giá khởi điểm cho thuê rừng, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã ký kết hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản với tổ chức đấu giá tài sản theo phương án đã được phê duyệt để thực hiện việc đấu giá cho thuê rừng.

- Bước 4: Tổ chức đấu giá cho thuê rừng

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày ký kết hợp đồng đấu giá cho thuê rừng, tổ chức đấu giá tài sản đã được ký hợp đồng dịch vụ đấu giá tài sản có trách nhiệm thực hiện trình tự, thủ tục đấu giá cho thuê rừng theo quy định của pháp luật về đấu giá và pháp luật có liên quan.

- Bước 5: Công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng.

Trong thời gian 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả đấu giá, Chủ tịch UBND xã, phường quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng.

Trong thời gian 20 ngày làm việc kể từ ngày có quyết định công nhận kết quả trúng đấu giá cho thuê rừng, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá cho thuê rừng có trách nhiệm hoàn thành việc nộp tiền thuê rừng vào Kho bạc Nhà nước và chuyển chứng từ đã hoàn thành nộp tiền cho cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã để thực hiện trình tự, thủ tục cho thuê rừng đồng thời với cho thuê đất.

Trường hợp quá thời gian quy định phải hoàn thành nghĩa vụ nộp tiền thuê rừng, hộ gia đình, cá nhân trúng đấu giá không nộp đủ tiền theo kết quả trúng đấu giá, cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã trình

Chủ tịch UBND xã, phường quyết định hủy công nhận kết quả trúng đấu giá.

b) Cách thức thực hiện: Không quy định.

c) Thành phần, số lượng hồ sơ: 01 bộ hồ sơ gồm:

- Hồ sơ phê duyệt phương án đấu giá cho thuê rừng: Phương án đấu giá cho thuê rừng.

- Hồ sơ công nhận kết quả đấu giá để trình cấp có thẩm quyền cho thuê rừng, gồm:

Kết quả đấu giá.

Biên bản đấu giá.

Danh sách người trúng đấu giá.

Thông báo hoàn thành nghĩa vụ tài chính.

d) Thời hạn giải quyết: 53 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ, Chủ tịch UBND xã, phường quyết định phê duyệt kết quả đấu giá cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân.

đ) Đối tượng thực hiện thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

e) Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính:

- Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Cơ quan chuyên môn về nông nghiệp và môi trường cấp xã.

- Người có thẩm quyền quyết định: Chủ tịch UBND xã, phường.

f) Kết quả thực hiện thủ tục hành chính: Quyết định công nhận kết quả đấu giá để cho thuê rừng đối với hộ gia đình, cá nhân.

g) Phí, lệ phí (nếu có): Không.

h) Tên mẫu đơn, mẫu tờ khai:

Phương án đấu giá cho thuê rừng theo Mẫu số 01 Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

i) Yêu cầu, điều kiện thực hiện thủ tục hành chính (nếu có): Không.

k) Căn cứ pháp lý của thủ tục hành chính:

- Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường.

- Nghị định số 151/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai.

- Thông tư số 16/2025/TT-BNNMT ngày 19/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường Quy định về phân quyền, phân cấp, phân định thẩm quyền quản lý nhà nước và một số nội dung trong lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm.